BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 25 /2017/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2017*

THÔNG TƯ

Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành công tác xã hội tham dự các kỳ thi hoặc được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội trong các đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thi hoặc xét thăng hạng

Việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và theo các quy định của quy chế, nội quy thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

2. Đảm bảo đúng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Viên chức phải có đủ điều kiện của chức danh nghề nghiệp đăng ký thi hoặc xét thăng hạng.

4. Đảm bảo bình đẳng, công bằng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

Điều 3. Điều kiện dự thi hoặc xét thăng hạng

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành công tác xã hội khi có đủ các điều kiện sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

3. Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19 tháng 8 năm 2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội.

4. Được cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức đánh giá có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI, XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội từ hạng III lên hạng II

1. Môn thi kiến thức chung

a) Hình thức thi: Viết.

b) Thời gian thi: 180 phút.

c) Nội dung thi: kiểm tra kiến thức chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về an sinh xã hội nói chung và công tác xã hội nói riêng; quan điểm, định hướng chiến lược phát triển, năng lực hoạch định chính sách và hiểu biết về pháp luật chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành, pháp luật về viên chức phù hợp chức danh nghề nghiệp công tác xã hội viên chính (hạng II).

d) Dung lượng kiến thức và cơ cấu của đề thi và nội dung về lĩnh vực dự thi là 70% nội dung thi và về pháp luật viên chức 30% nội dung thi.

2. Môn thi chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hình thức thi: trắc nghiệm (trên máy vi tính hoặc trên giấy) hoặc thực hành (phỏng vấn hoặc thuyết trình) do Hội đồng thi quyết định.

b) Thời gian thi: trắc nghiệm 45 phút hoặc thực hành 30 phút/người.

c) Nội dung thi: kiểm tra kiến thức, năng lực giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp hạng II của lĩnh vực dự thi; trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

3. Môn thi ngoại ngữ

a) Hình thức thi: Viết;

b) Thời gian thi: 90 phút;

c) Nội dung thi: kiểm tra các kỹ năng: đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II.

4. Môn thi tin học

a) Hình thức thi: trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính;

b) Thời gian thi: 45 phút;

c) Nội dung thi: kiểm tra hiểu biết về hệ điều hành Windows, sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office, sử dụng Internet.

Điều 5. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội từ hạng IV lên hạng III

1. Hình thức xét thăng hạng: Xét hồ sơ và kiểm tra, sát hạch trình độ chuyên môn.

2. Hồ sơ xét thăng hạng: Hồ sơ xét thăng hạng viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp công tác xã hội viên (hạng III).

3. Kiểm tra, đánh giá trình độ, năng lực, đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp công tác xã hội viên (hạng III) bằng phương pháp phỏng vấn (hoặc thực hành 30 phút/người) do Hội đồng xét thăng hạng quyết định.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

Điều 6. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ và tin học trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công tác xã hội

1. Miễn thi môn ngoại ngữ đối với viên chức khi có một trong các điều kiện sau đây:

a) Viên chức tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

c) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc thạc sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

d) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu) và còn trong thời hạn 2 năm, hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL IBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng công tác xã hội viên (hạng III) lên công tác xã hội viên chính (hạng II). Các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại điểm này còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

đ) Viên chức là người dân tộc thiểu số và viên chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số (không áp dụng trong kỳ thi thăng hạng III lên hạng II).

2. Miễn thi môn tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào điều kiện quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền được giao xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, tổ chức kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức xét thăng hạng, tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp không có điều kiện để tổ chức kỳ thi riêng thì tổng hợp nhu cầu, gửi danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện thi thăng hạng các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội theo quy định tại Điều 3 Thông tư này về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức kỳ thi chung.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn hoặc xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở LĐTB&XH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục BTXH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Trọng Đàm